



THỰC TRẠNG ÁP DỤNG ÁN LỆ TRONG GIẢI QUYẾT CÁC TRANH CHẤP THỪA KẾ TẠI VIỆT NAM

Phan Thị Hồng

Trường Đại học Luật, Đại học Huế, Đường Võ Văn Kiệt, tp Huế, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: **Phan Thị Hồng** <hongpt@hul.edu.vn>

(Ngày nhận bài: 14-03-2024; Ngày chấp nhận đăng: 17-07-2024)

Tóm tắt. Bài viết tập trung nghiên cứu nguyên tắc áp dụng án lệ theo Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐTP về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ, soi chiếu thực trạng áp dụng án lệ trong giải quyết các tranh chấp thừa kế tại Việt Nam thông qua nghiên cứu các Bản án đã được các Tòa án giải quyết và có áp dụng án lệ. Từ đó, phân tích những hạn chế và lý giải nguyên nhân của những hạn chế đó, nhằm đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng án lệ trong thực tiễn xét xử.

Từ khoá: Án lệ, áp dụng án lệ, tranh chấp thừa kế

THE CURRENT PRACTICE OF CASE LAW APPLICATION IN RESOLVING INHERITANCE DISPUTES IN VIETNAM

Phan Thi Hong

The University of Law, Hue University, Vo Van Kiet St., Hue City, Vietnam

*Correspondence to **Phan Thi Hong** <hongpt@hul.edu.vn>

(Received: March 14, 2024; Accepted: July 17, 2024)

Abstract. The article focuses on researching the principles of applying precedents according to Resolution No. 03/2015/NQ-HĐTP on the process of selecting, announcing, and applying precedents, and examining the current situation of applying precedents in resolving disputes. Inheritance disputes in Vietnam through studying judgments that have been resolved by the Courts and applying precedents. From there, this article analyzes the limitations and explains the causes of those limitations to propose some solutions that contribute to improving the effectiveness of applying precedents in trial practice.

Keywords: Precedents, application of precedents, inheritance disputes

1. Đặt vấn đề

Áp dụng án lệ trong giải quyết các tranh chấp dân sự nói chung và giải quyết các tranh chấp thừa kế nói riêng đã được thực hiện tại Việt Nam gần 10 năm qua và đã đạt được những thành tựu nhất định. Sự ra đời của án lệ tại Việt Nam đã góp phần khắc phục kịp thời những khoảng trống pháp lý mà các văn bản luật còn bỏ ngỏ hoặc quy định chưa rõ ràng. Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định Tòa án không được từ chối giải quyết vụ việc dân sự vì lý do chưa có điều luật để áp dụng. Khi đó, việc giải quyết vụ việc dân sự được thực hiện theo các nguyên tắc do Bộ luật Dân sự và Bộ luật Tố tụng dân sự quy định¹. Bối tiếp cận công lý là quyền cơ bản của con người, quyền được bảo vệ về mặt pháp lý. Quyền này cho phép tất cả mọi người có thể vận dụng để tìm kiếm sự đền bù cho những bất công hay thiệt hại mà một cá nhân hay tổ chức, đặc biệt là cho những nhóm người dễ bị tổn thương trong xã hội phải gánh chịu [12, Tr. 188–194]. Trước áp lực bảo vệ công lý, ngay cả khi không có luật, đòi hỏi thẩm phán phải có khả năng sáng tạo pháp luật trên nền tảng lẽ phải, sự công bằng và những kinh nghiệm xét xử vốn có của mình. Án lệ được coi là nguồn bổ khuyết của pháp luật thành văn, giúp các thẩm phán có đầy đủ nền tảng pháp lý để thực hiện hoạt động xét xử.

Mặc dù thực tiễn đã chứng minh việc áp dụng án lệ trong thực tiễn xét xử đã giúp Tòa án giải quyết rất nhiều vụ việc với những tình huống pháp lý chưa có luật điều chỉnh hoặc những quy định của pháp luật chưa rõ ràng và vì vậy, quyền lợi của đương sự được bảo đảm, giúp công lý được thực thi và ổn định các quan hệ xã hội. Tuy nhiên, thực trạng áp dụng án lệ trong quá trình giải quyết các tranh chấp dân sự nói chung cũng như các tranh chấp về thừa kế nói riêng vẫn còn một số bất cập, cần tiếp tục được nghiên cứu để tìm ra giải pháp phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng án lệ.

2. Khái quát lịch sử hình thành án lệ trên thế giới và ở Việt Nam

Án lệ được coi là sản phẩm đặc trưng của hệ thống thông luật – Common Law (hay còn gọi là hệ thống pháp luật Anh – Mỹ) [9]. Tuy nhiên, quá trình toàn cầu hóa và hội nhập của thế giới hiện đại đã làm cho án lệ vượt ra khỏi biên giới của các quốc gia theo hệ thống thông luật truyền thống và trở thành nguồn luật của nhiều hệ thống pháp luật trên thế giới. Đây là nguồn luật quan trọng được áp dụng để giải quyết các vụ việc tương tự và là cơ sở để bảo đảm tính thống nhất trong hoạt động xét xử.

¹ Khoản 2 Điều 4 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Theo từ điển Black's Law thì án lệ được hiểu là việc làm luật của Tòa án khi công nhận và áp dụng các quy tắc mới trong quá trình xét xử; vụ việc đã được giải quyết làm cơ sở để đưa ra phán quyết cho những trường hợp có tình tiết hoặc vấn đề tương tự sau này [6].

Tại Việt Nam, án lệ được ghi nhận là nguồn luật trong hệ thống pháp luật từ Nghị quyết 03/2015 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 28/10/2015 về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ. Theo Nghị quyết này, án lệ là những lập luận, phán quyết trong bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án về một vụ việc cụ thể được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao lựa chọn và được Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao công bố là án lệ để các Tòa án nghiên cứu, áp dụng trong xét xử².

Mặc dù có nhiều cách định nghĩa khác nhau với nhiều góc độ tiếp cận khác nhau nhưng nhìn chung, án lệ có những đặc điểm sau: (i) Án lệ do Thẩm phán tạo ra theo những thủ tục nhất định và để giải quyết các vụ việc cụ thể; (ii) Án lệ là khuôn mẫu cho các vụ việc có tính chất tương tự và được sử dụng nhiều lần; (iii) Án lệ có tính bắt buộc đối với các vụ án tương tự [7].

Trên thế giới, đối với hệ thống pháp luật Civil Law (hay còn gọi là hệ thống pháp luật Pháp – Đức), án lệ có một lịch sử hình thành và phát triển từ rất lâu đời. Được khởi nguồn từ việc Hoàng đế Severus cai trị La Mã từ năm 193 đến năm 211 cho phép các thẩm phán bổ sung những lỗ hổng của luật thành văn bằng tập quán và thực tiễn xét xử của các vụ việc tương tự [10]. Mặc dù lịch sử áp dụng án lệ đã từng có nhiều thăng trầm, nhưng đối với hệ thống Civil Law hiện nay vẫn là một nguồn cực kỳ quan trọng trong áp dụng pháp luật tại các quốc gia này.

Đối với hệ thống Common Law, án lệ được xem là nguồn luật cơ bản, án lệ được ví “như là mạch máu” xuyên suốt hệ thống Common Law. Common Law là hệ thống pháp luật ra đời ở Anh, sau này phát triển ở Mỹ và những nước là thuộc địa của Anh, Mỹ trước đây. Đây là hệ thống pháp luật phát triển từ những tập quán (customs), còn được gọi là hệ thống pháp luật tập quán, hay hệ thống pháp luật coi trọng tiền lệ (precedents/judge made law). Theo đó, khi xét xử Thẩm phán sẽ chịu sự ràng buộc bởi những phán quyết đã có từ trước đó, nguyên tắc này được gọi là stare decisis [13]. Nguyên tắc stare decisis yêu cầu Thẩm phán phải dựa theo các phán quyết trước đây khi xét xử các vụ án có những nét tương đồng. Mặt khác, nguyên tắc này cũng giúp các Thẩm phán đưa ra những phán quyết đối với các vụ án phức tạp khi không có cơ sở pháp lý rõ ràng, dựa vào đó để ra phán quyết. Trong những trường hợp này, Thẩm phán thường trích dẫn những phán quyết trước đây đối với các vụ án tương tự.

² Tòa án nhân dân tối cao (2015). Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐTP về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ.

Ở Việt Nam, “án lệ” không phải là thuật ngữ hoàn toàn mới trong nền lập pháp Việt Nam, lịch sử pháp lý nước ta đã có những quy định về án lệ. Thời Nguyễn, sau khi xét xử một vụ việc và đã ra bản án, vua Minh Mạng có chỉ dụ rằng: “Từ nay, phạm là các quan văn, quan võ nào có tội giáng bổ đi hiệu lực thì cứ chiếu theo lệ ấy” [1].

Dưới chế độ Sài Gòn trước năm 1975 vốn chịu ảnh hưởng của luật pháp châu Âu, nhất là luật pháp của Pháp, đặc biệt là pháp luật dân sự, tiền lệ pháp cũng được coi là một nguồn trong lĩnh vực dân sự, Bộ Tư pháp đã xuất bản án lệ theo định kỳ ba tháng. Ấn phẩm đăng tải những trích dẫn về quan điểm hay định hướng xét xử trong các bản án của Tối cao pháp viện, Tòa hành chính, Tòa thượng thẩm... Những bản án này là một trong những căn cứ pháp lý để xét xử cho các tranh chấp tương tự về sau.

Trong giai đoạn miền Bắc tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, để thống nhất việc xử phạt một số loại tội phạm, ngày 19/01/1955 Thủ tướng Chính phủ ban hành Thông tư số 442/TTg về việc trừng trị một số tội phạm, mà theo đó, Thông tư nêu rõ: “...Kinh nghiệm xét xử về một số loại phạm pháp đã được trở thành án lệ. Tuy nhiên, án lệ ấy còn khác nhau giữa các địa phương. Đường lối xét xử do đó không được thống nhất, rõ ràng và có nơi không được đúng. Cần phải thống nhất những án lệ ấy trong quy định chung sau đây để hướng dẫn các tòa án trừng trị một số tội phạm thông thường”.

Nghị quyết số 49/NQ-TW về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 của Bộ Chính trị ngày 02/06/2005 đã đề ra mục đích xây dựng và hoàn thiện từng bước hoạt động của Tòa án nhân dân là “Tòa án nhân dân Tối cao có nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, phát triển án lệ và xét xử giám đốc thẩm và tái thẩm” [2]. Việc sử dụng thuật ngữ án lệ trong Nghị quyết 49/NQ-TW 2005 là chuyển biến lớn về mặt đường lối. Sau đó trong Điểm c, Khoản 1, Điều 22 Luật Tổ chức Tòa án năm 2014 cũng quy định Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao có thẩm quyền “Lựa chọn quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, có tính chuẩn mực của các Tòa án, tổng kết phát triển thành án lệ và công bố án lệ để các Tòa án nghiên cứu, áp dụng trong xét xử”³.

Nhưng chỉ đến Nghị quyết số 03/2015/NQHĐTP thì những quy định về án lệ mới thực sự được quan tâm đúng mức và theo đó, có tính áp dụng cao hơn. Hiện nay, việc áp dụng án lệ trong thực tiễn xét xử được thực hiện theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐTP ngày 18/6/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Trước đó, dù án lệ không được coi là một dạng nguồn của pháp luật chính thức, nhưng thực tế, “án lệ” bằng cách này hay cách khác đã và đang hiện diện trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Những văn bản tổng kết hướng dẫn nghiệp

³ Quốc hội khóa XII (2014). Luật tổ chức Tòa án năm 2014, Nxb Tư pháp, 2015, tr. 25.

vụ xét xử hằng năm của Tòa án nhân dân Tối cao, các Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao phục vụ cho công tác xét xử, v.v... từ lâu cũng đã là những “tiền lệ” phục vụ cho các tòa án cấp dưới trong hoạt động xét xử.

3. Nguyên tắc áp dụng án lệ trong thực tiễn xét xử tại Việt Nam

Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐTP quy định về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ. Theo đó, án lệ được lựa chọn phải đáp ứng được các tiêu chí: (i) Có giá trị làm rõ quy định của pháp luật còn có cách hiểu khác nhau, phân tích, giải thích các vấn đề, sự kiện pháp lý và chỉ ra nguyên tắc, đường lối xử lý, quy phạm pháp luật cần áp dụng trong một vụ việc cụ thể hoặc thể hiện lẽ công bằng đối với những vấn đề chưa có điều luật quy định cụ thể; (ii) Có tính chuẩn mực; (iii) Có giá trị hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử. Việc áp dụng án lệ trong thực tiễn xét xử phải tuân theo các nguyên tắc sau:

Thứ nhất, khi xét xử, Thẩm phán, Hội thẩm phải nghiên cứu, áp dụng án lệ, bảo đảm những vụ việc có tình huống pháp lý tương tự thì phải được giải quyết như nhau. Trường hợp vụ việc có tình huống pháp lý tương tự nhưng Tòa án không áp dụng án lệ thì phải nêu rõ lý do trong bản án, quyết định của Tòa án.

Như vậy, theo quy định này, khi nghiên cứu, áp dụng án lệ, Tòa án phải đánh giá tính chất tương tự của vụ án mình đang giải quyết và án lệ đã được công bố. Việc đánh giá tính tương tự của vụ việc có ý nghĩa trong việc đảm bảo những vụ việc có các tình tiết pháp lý “giống như thế” [8, Tr. 1371] thì phải được giải quyết như nhau. Trường hợp Tòa án không áp dụng án lệ trong vụ việc có tình huống pháp lý tương tự thì phải nêu rõ lý do. Như vậy, quy định này yêu cầu Tòa án phải có trách nhiệm áp dụng án lệ để nhằm đảm bảo tính thống nhất trong thực tiễn xét xử. Nếu không áp dụng án lệ thì Tòa án phải nêu rõ lý do không áp dụng, chẳng hạn, do sự thay đổi chính sách, việc áp dụng án lệ đã không còn phù hợp, hoặc do pháp luật đã quy định,...

Thứ hai, trường hợp Tòa án áp dụng án lệ để giải quyết vụ việc thì số, tên án lệ, tình huống pháp lý, giải pháp pháp lý trong án lệ và tình huống pháp lý của vụ việc đang được giải quyết phải được viện dẫn, phân tích trong phần “Nhận định của Tòa án”; tùy từng trường hợp cụ thể có thể trích dẫn toàn bộ hoặc một phần nội dung của án lệ để làm rõ quan điểm của Tòa án trong việc xét xử, giải quyết vụ việc tương tự.

Quy định này hướng dẫn rõ ràng cách trích dẫn khi Tòa án quyết định áp dụng án lệ cho vụ việc mà mình đang giải quyết. Việc trích dẫn này phải ghi rõ trong phần “Nhận định của Tòa án”, có thể ghi một phần hoặc toàn bộ nội dung của Án lệ nhưng phải làm rõ quan điểm của Tòa án trong giải quyết vụ việc thông qua viện dẫn Án lệ. Đây là yêu cầu nhằm buộc Tòa án phải đánh giá tính chất tương tự của vụ việc so với án lệ và đánh giá sự tương tự đó trong

lập luận của mình, giúp cho việc áp dụng án lệ được thống nhất và không mang tính chất hình thức.

4. Thực trạng áp dụng án lệ trong giải quyết các tranh chấp thừa kế tại Việt Nam

Tính đến ngày 30/11/2023, theo số liệu trên trang thông tin điện tử của Tòa án nhân dân Tối cao, đã có 70 án lệ các loại vụ việc, trong đó án lệ về tranh chấp thừa kế gồm 07 án lệ về thừa kế. Các án lệ này được lựa chọn và công bố đều xuất phát từ những vướng mắc trong thực tiễn xét xử, chủ yếu là những án lệ về quyền tài sản. Tòa án nghiên cứu sử dụng án lệ để phán đoán quyết định vụ án, một mặt hỗ trợ cho quá trình tiến hành hòa giải giữa các đương sự trong vụ án, mặt khác để áp dụng án lệ khi xét xử theo điều kiện và nguyên tắc luật định.

Việc áp dụng án lệ trong giải quyết các tranh chấp về thừa kế đã được thực hiện trong 5 năm qua, góp phần thống nhất đường lối xét xử, đảm bảo những vụ việc có tính tiết pháp lý tương tự đều được giải quyết như nhau nhằm bảo vệ tốt nhất quyền lợi hợp pháp của đương sự. Mặc dù vậy, vẫn còn một số trường hợp áp dụng án lệ chưa đáp ứng những nguyên tắc đề ra theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐTP. Thể hiện qua một số trường hợp sau đây:

Trường hợp thứ nhất: Tại Bản án số 463/2023/DS-PT ngày 28/8/2023 của TAND tỉnh Tiền Giang về tranh chấp “Đòi di sản thừa kế là quyền sử dụng đất, chia di sản thừa kế, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, tại mục [3.6] trong phần Nhận định của Tòa án, Tòa án đã nhận định: *“Xét yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của các nguyên đơn: Các nguyên đơn yêu cầu chia di sản cụ B1 là thừa đất 415, tờ bản đồ số 2 làm 13 kỳ phần, sau khi trừ đi một kỳ phần ông Q được nhận và một kỳ phần là công sức gìn giữ di sản của ông Q còn lại 11 kỳ phần các nguyên đơn yêu cầu nhận đất sẽ nhập lại quản lý chung. Như đã xác định tại mục [3.1], hàng thừa kế thứ nhất của cụ B1 gồm có 11 người. Thừa đất số 415, tờ bản đồ 02 là di sản thừa kế do cụ B1 để lại, cụ B1 chết không có lập di chúc, hàng thừa kế thứ nhất của cụ B1 gồm 11 người. Xét yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của các nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận một phần. Theo Án lệ số 05/2016/AL, ngày 06/04/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao việc các đồng nguyên đơn đồng ý chia cho bị đơn một kỳ phần thừa kế và công sức gìn giữ di sản của bị đơn tương đương một kỳ phần thừa kế là có căn cứ nên chấp nhận. Căn cứ kết quả đo đạc các kỳ phần thừa kế có diện tích sử dụng nhỏ, chia theo chiều dọc quá hẹp không thể sử dụng, nếu chia theo chiều ngang thì không có lối đi ra được đường giao thông công cộng. Do đó, để đảm bảo việc sử dụng đất cân giao các phần đất từ S1 đến S8 cho các đồng nguyên đơn, giao cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Q các phần đất từ S9 đến S12 cùng thừa đất 415, tờ bản đồ số 2, buộc người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Q liên đới trả giá trị 02 kỳ phần cho các nguyên đơn là 478.247.500 đồng (Bốn trăm bảy mươi tám triệu hai trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật” [3].*

Có thể thấy, trong vụ án này, Tòa án có “viện dẫn” án lệ nhưng chưa tuân thủ theo quy định “trường hợp Tòa án áp dụng án lệ để giải quyết vụ việc thì số, tên án lệ, tình huống pháp lý, giải pháp pháp lý trong án lệ và tình huống pháp lý của vụ việc đang được giải quyết phải được viện dẫn, phân tích trong phần “Nhận định của Tòa án””. Mặt khác, việc viện dẫn của Tòa án cũng rất sơ sài, không đề cập đến tình huống án lệ và giải pháp pháp lý, do đó lập luận của Tòa án chưa thể hiện sự chặt chẽ và thuyết phục. Tòa án nhận định, “Theo Án lệ số 05/2016/AL, ngày 06/04/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, việc các đồng nguyên đơn đồng ý chia cho bị đơn một kỷ phần thừa kế và công sức gìn giữ di sản của bị đơn tương đương một kỷ phần thừa kế là có căn cứ nên chấp nhận” nhưng không cho biết vì sao lại “có căn cứ”, không lý giải sự tương tự của tình huống đang giải quyết và tình huống của án lệ được viện dẫn.

Trường hợp thứ hai: Tại Bản án số 78/2023/DS-PT ngày 28/9/2023 của TAND tỉnh Hải Dương về “tranh chấp về thừa kế tài sản”, tại phần Quyết định có ghi: “Căn cứ ...; Án lệ số 05/2016/AL; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:...” [4]. Tuy nhiên, trong phần Nhận định của Tòa án lại không đề cập đến tình huống án lệ cũng như giải pháp pháp lý mà Tòa án chỉ nhận định “Hội đồng xét xử xác định ông P1 có công sức trong việc hình thành nên căn nhà để được tặng một như hiện nay nhưng không xác định cụ thể phần giá trị sửa chữa, do vậy cần án trích tính cho ông P1 bằng 50% giá trị tăng một là 56.001.200 đồng”.

Trường hợp này có thể thấy, Tòa án viện dẫn án lệ trong phần Quyết định nhưng lại không tuân thủ nguyên tắc viện dẫn và phân tích tình huống án lệ trong phần “Nhận định của Tòa án”. Điều này chưa tạo nên sự thống nhất trong thực tiễn xét xử.

Trường hợp thứ ba: Tại Bản án số 17/2023/DS-PT ngày 22/9/2023 của TAND tỉnh Hà Nam về “tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”, tại phần Nhận định của Tòa án, Hội đồng xét xử nhận định: “Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Trong thời gian chung sống cùng cụ Kh và sau khi cụ Kh, ông Th mất, bị đơn ông Đông Văn T có công bảo quản, gìn giữ, tôn tạo duy trì khối tài sản chung của cụ Ph, cụ Kh. Theo tinh thần Án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng thẩm phán TANDTC thông qua ngày 06/4/2016 thì yêu cầu không chia thừa kế của ông Th có quyền lợi lớn hơn yêu cầu xem xét công sức. Do vậy, khi ý kiến của ông Th không được chấp nhận thì Tòa án cần xem xét tính giá trị công sức quản lý di sản, cũng như chi phí chăm sóc phụng dưỡng, lo mai táng cho cụ Kh và ông Th là phù hợp; vì vậy cần xem xét đến công sức quản lý di sản cho ông Th theo quy định của pháp luật” [5].

Trong Bản án này, Tòa án chỉ trích tinh thần của án lệ mà không viện dẫn tình huống án lệ cũng như giải pháp pháp lý. Mặc dù có lý giải vì sao cần xem xét đến công sức quản lý di sản của ông Th nhưng do Tòa án không viện dẫn tình huống án lệ nên khi đọc Bản án sẽ thấy lập luận thiếu thuyết phục vì người đọc không hình dung được vì sao lại “cần xem xét đến công sức quản lý”.

5. Một số kiến nghị góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng án lệ trong giải quyết các tranh chấp thừa kế tại Việt Nam

Mặc dù Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐTP nhưng thực tiễn áp dụng án lệ trong xét xử các tranh chấp thừa kế tại Tòa án vẫn còn chưa có sự thống nhất giữa các Tòa án, cũng như chưa có sự thống nhất với các nguyên tắc được quy định trong Nghị quyết số 04/2019. Điều này dẫn đến hiệu quả áp dụng án lệ chưa cao, thiếu tính đồng bộ, thiếu tính thống nhất, dẫn đến giá trị pháp lý của Bản án có áp dụng án lệ chưa cao và chưa có tính thuyết phục.

Nguyên nhân của thực trạng này xuất phát từ việc các Tòa án còn gặp khó khăn trong việc xác định các tình huống pháp lý tương tự để có thể áp dụng án lệ, do đó chưa mạnh dạn viện dẫn tình huống án lệ và giải pháp của án lệ trong phần “Nhận định của Tòa án” trong bản án mà mình xét xử. Mặc dù Nghị quyết số 04/2019 quy định “khi xét xử, Thẩm phán, Hội thẩm phải nghiên cứu, áp dụng án lệ, bảo đảm những vụ việc có tình huống pháp lý tương tự thì phải được giải quyết như nhau”, tuy nhiên lại không có những điều kiện cụ thể để đánh giá tính chất tương tự của tình huống pháp lý. Điều này có thể dẫn đến Thẩm phán này đánh giá tính chất tương tự của tình huống khác với Thẩm phán kia hoặc khác với Hội thẩm nhân dân. Chẳng hạn, trong án lệ số 04/2016/AL đề cập đến tình huống pháp lý là “Di sản thừa kế là bất động sản đã được một trong các đồng thừa kế chuyển nhượng. Các đồng thừa kế khác biết và không phản đối việc chuyển nhượng đó. Số tiền nhận chuyển nhượng đã được dùng để lo cuộc sống của các đồng thừa kế. Bên nhận chuyển nhượng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Giải pháp pháp lý là “trường hợp này, Tòa án phải công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là hợp pháp và diện tích đất đã chuyển nhượng không còn trong khối di sản để chia thừa kế mà thuộc quyền sử dụng của bên nhận chuyển nhượng”. Vậy, vấn đề là việc xác định tình huống pháp lý tương tự trong giải quyết các tranh chấp sau này sẽ được xác định trên cơ sở những tiêu chí nào? Có quan điểm cho rằng, án lệ nêu trên được tạo lập có giá trị hướng dẫn cho các Tòa án trong việc giải quyết các vụ việc có liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là di sản thừa kế do một trong các đồng thừa kế chuyển nhượng. Theo đó, trường hợp di sản thừa kế là bất động sản đã được một trong các đồng thừa kế chuyển nhượng, các đồng thừa kế khác biết và không phản đối việc chuyển nhượng đó, số tiền chuyển nhượng đã được dùng để lo cuộc sống của các đồng thừa kế, bên nhận chuyển nhượng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Tòa án phải công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là hợp pháp và diện tích đất đã chuyển nhượng không còn trong khối di sản để chia thừa kế mà thuộc quyền sử dụng của bên nhận chuyển nhượng [11, Tr. 277–278]. Tuy nhiên, nếu thực tiễn xét xử xuất hiện trường hợp tài sản được chuyển nhượng là di sản thừa kế nhưng không phải là bất động sản mà là động sản có đăng ký quyền sở hữu như xe ô tô, tàu thủy, hoặc quyền tài sản như nhãn hiệu,... thì có thể áp dụng án lệ này nếu như việc chuyển nhượng đó là nhằm lo cuộc sống của các đồng thừa kế, bên nhận chuyển nhượng

đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, các đồng thừa kế khác cũng biết và không phản đối việc chuyển nhượng đó hay không?

Để khắc phục tình trạng này cũng như để việc áp dụng án lệ trong thực tiễn xét xử đạt hiệu quả cao hơn, bài viết đề xuất một số giải pháp sau đây:

Thứ nhất, Tòa án nhân dân Tối cao cần có văn bản hướng dẫn về cách xác định tính chất “tương tự” của vụ việc đang được giải quyết với tình huống án lệ. Cần có những điều kiện cụ thể để xác định tính chất tương tự. Những điều kiện này cần mang tính phổ quát để có thể áp dụng án lệ lặp đi lặp lại nhiều lần nhằm thống nhất đường lối xét xử. Những điều kiện này cần được đưa vào làm một bộ phận cấu thành của án lệ với tiêu đề “hoàn cảnh tương tự được áp dụng án lệ”. Trong mỗi án lệ cần nêu rõ những điều kiện cụ thể này để các Thẩm phán khi áp dụng án lệ có thể dễ dàng xác định tính chất tương tự và viện dẫn trong phần “Nhận định của Tòa án”. Chẳng hạn, trong án lệ số 16, hoàn cảnh tương tự được áp dụng án lệ cần thỏa mãn các điều kiện:

- Di sản thừa kế đã được một trong các đồng thừa kế định đoạt;
- Các đồng thừa kế khác biết và không phản đối việc định đoạt đó;
- Số tiền nhận được từ việc định đoạt tài sản đã được dùng để lo cuộc sống của các đồng thừa kế;
- Bên nhận chuyển quyền đã xác lập được quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, đề xuất Tòa án Tối cao cần quán triệt các Tòa án trong quá trình giải quyết các tranh chấp về thừa kế tuân thủ nguyên tắc áp dụng án lệ theo đúng Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐTP nhằm đảm bảo tính thống nhất trong đường lối xét xử.

Thứ ba, Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐTP chỉ đề cập đến việc “số, tên án lệ, tình huống pháp lý, giải pháp pháp lý trong án lệ và tình huống pháp lý của vụ việc đang được giải quyết phải được viện dẫn, phân tích trong phần “Nhận định của Tòa án”” mà không yêu cầu các Tòa án đưa án lệ vào phần “Quyết định” của Bản án là thiếu tính thống nhất. Vì một khi án lệ được đề cập trong phần “Nhận định của Tòa án” thì trong phần “Quyết định” cũng cần được đề cập, bởi vì phần này cho biết Tòa án căn cứ vào đâu để đưa ra phán quyết.

6. Kết luận

Mặc dù án lệ đã được ban hành và áp dụng tại Việt Nam tới nay đã gần một thập kỷ, tuy nhiên quá trình áp dụng vẫn còn một số bất cập cần tiếp tục được hoàn thiện để việc áp dụng án lệ đảm bảo tính thống nhất. Mặt khác, để đảm bảo tính khả thi của việc áp dụng án lệ thì nhu cầu bổ sung hoàn cảnh tương tự được áp dụng án lệ trong bộ phận cấu thành của án lệ là

rất cần thiết. Với những phân tích, viện dẫn và đề xuất trong bài viết này, hi vọng Toà án nhân dân Tối cao sớm có giải pháp khắc phục để việc áp dụng án lệ trong quá trình giải quyết các vụ việc dân sự nói chung và các vụ việc thừa kế nói riêng đạt hiệu quả cao, bảo vệ tốt nhất quyền lợi hợp pháp của đương sự, góp phần xây dựng nền tư pháp Việt Nam vững mạnh./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Xuân Đính (1999). *101 câu chuyện pháp luật thời xưa*, Nxb Thanh niên, Hà Nội, tr. 118.
2. Bộ Chính trị (2005). *Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*.
3. *Bản án số 463/2023/DS-PT ngày 28/8/2023 của TAND tỉnh Tiền Giang về tranh chấp “Đòi di sản thừa kế là quyền sử dụng đất, chia di sản thừa kế, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”*. Truy cập tại: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1353745t1cvn/chi-tiet-ban-an>. Truy cập ngày 09/12/2023.
4. *Bản án số 78/2023/DS-PT ngày 28/9/2023 của TAND tỉnh Hải Dương về “tranh chấp về thừa kế tài sản”*. Truy cập tại: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1348527t1cvn/chi-tiet-ban-an>. Truy cập ngày 09/12/2023.
5. *Bản án số 17/2023/DS-PT ngày 22/9/2023 của TAND tỉnh Hà Nam về “tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”*. Truy cập tại: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1315925t1cvn/chi-tiet-ban-an>. Truy cập ngày 09/12/2023.
6. Black, Henry Campbell (1990). *Black’s law, st. Paul, Minn.* West publishing co., Sixth edition, 272. Truy cập tại: <https://karnatakajudiciary.kar.nic.in/hcklibrary/PDF/Blacks%20Law%206th%20Edition%20-%20SecA.pdf>. Truy cập ngày 02/12/2023.
7. Dương Bích Ngọc, Nguyễn Thị Thúy (2009). Vấn đề áp dụng án lệ ở Việt Nam. *Tạp chí Luật học*, Số 05, 28–35. Truy cập tại: <https://thuvienso.quochoi.vn/handle/11742/41037?mode=full>. Truy cập ngày 02/12/2023.
8. Hoàng Phê (2021). *Từ điển Tiếng Việt*, Viện ngôn ngữ học, Nxb Hồng Đức, tr. 1371.
9. Nguyễn Đức Lam (2012). Án lệ ở Anh quốc: lịch sử, khái niệm nguyên tắc và cơ chế thực hiện. *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp online*. Truy cập tại: <http://www.lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=207746>. Truy cập ngày 02/12/2023.

10. Mai Thị Mai (2017). Lý luận về án lệ trong hệ thống pháp luật các nước Common law, Civil law và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp online*. Truy cập tại: <http://www.lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=211469>. Truy cập ngày 02/12/2023.
11. Toà án nhân dân Tối cao (2021). *Án lệ và bình luận quyền 1*, Nxb Tư pháp, Hà Nội, tr. 277–278.
12. Vũ Công Giao (2009). Tiếp cận công lý và các nguyên lý của nhà nước pháp quyền. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, Luật học 25, 188–194.
13. William Burnham (1995). *Introduction to the Law and Legal System of the United States*, West Publishing, St. Paul, Minn. Truy cập tại: <https://www.studypool.com/documents/5410361/chapter-1-kimi-king-r01-15-introlaw-1pageproofs>. Truy cập ngày 04/12/2023.